

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Đặng Huy Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: Thôn Kênh H, xã An H, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Tầng 12, số 800, đường Trung Ch, khu Trung H, thành phố Tân B, Đài L; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT: Thôn Kênh H, xã An H, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc L thống nhất trình bày: Chị L và anh Nguyễn Văn D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 02 năm 2011.

Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng hai năm

đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018, chị L đi Xuất khẩu lao động tại Đài Loan để làm kinh tế và thay đổi môi trường sống. Kể từ thời điểm chị L đi Đài Loan vợ chồng không quan tâm đến tình cảm chung vợ chồng. Ngày 24/7/2023 chị về Việt Nam nghỉ phép theo quy định của phía công ty tại Đài Loan nhưng chị không về nhà chồng vì mâu thuẫn mà chị đã ở nhà mẹ đẻ tại thôn Kênh Hữu, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm tới nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 và anh Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Nguyễn Đức D cho anh D, còn con chung Nguyễn Ngọc A giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Văn D không có mặt theo giấy triệu tập mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, lấy ý kiến của đại diện gia đình và đại diện chính quyền địa phương, lấy lời khai của anh D đối với yêu cầu của chị L đều thống nhất thể hiện nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An H, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng vào ngày 21/ 02/2011. Quá trình chung sống hai vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị L hiện đang làm việc tại Đài Loan còn anh D ở Việt Nam. Khi chị L về Việt Nam thì cũng không ở cùng anh D mà ở nhà mẹ đẻ chị L tại thôn Kênh Hữu, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Nay chị L không còn tình cảm và có yêu cầu ly hôn, anh D đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016. Hiện con chung Nguyễn Đức D đang sống với anh D, con chung Nguyễn Ngọc A ở với mẹ chị L khi chị L đi lao động nước ngoài. Ly hôn, anh D đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Nguyễn Đức D cho anh D, còn con chung Nguyễn Ngọc A giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành. Bản thân cháu Duy cũng có nguyện vọng ở với bố. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của chị L và anh D không thể hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Ngọc L về việc ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 cho anh D, còn con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016 giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh D chị L không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, chị Phạm Thị Ngọc L có yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn D. Qua các tài liệu do đương sự cung cấp và xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị L sinh sống và làm việc tại Đài Loan còn anh Nguyễn Văn D cư trú tại Thôn Kênh Hữu, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 21 tháng 02 năm 2011. Vì vậy, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D: Theo lời khai của chị L, anh D cũng như việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều thống nhất thể hiện: Sau một thời gian chung sống, chị L và anh D đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống. Bản thân anh chị và gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Cuối tháng 3/2018, mặc dù đã có 02 con chung nhưng chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không chung sống cùng anh D. Kể từ khi chị L đi xuất khẩu lao động, hai bên không tồn tại cuộc sống chung vợ chồng và cũng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L về Việt Nam, xét thấy tình cảm không còn nên chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh D. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L có yêu cầu ly hôn anh D là có căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận

[5] Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Đức D cho anh D, giao con chung Nguyễn Ngọc A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh chị phù hợp với nguyện vọng của các con, đúng quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung anh D và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc L ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn D có hai con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016.

Giao con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 cho anh Nguyễn Văn D và giao con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016 cho chị Phạm Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị L đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000028 ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Minh Nguyệt Đặng Huy Du

Phạm Thị Thanh Bình

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Phòng;
- UBND xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, HP (GCNKH ngày 21/02/2011);
- Cục THA dân sự TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Bình

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Đặng Huy Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: Thôn Kênh Hữu, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Tầng 12, số 800, đường Trung Chính, khu Trung Hoà, thành phố Tân Bắc, Đài Loan; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT: Thôn Kênh Hữu, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc L trình bày: Chị L và anh Nguyễn Văn D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 02 năm 2011.

Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng hai năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018 chị L đi Xuất khẩu lao động tại Đài Loan để làm ăn và thay đổi môi trường sống. Kể từ thời điểm chị đi Đài Loan vợ chồng vẫn liên lạc qua điện thoại với nhau nhưng chỉ giải quyết các vấn đề liên quan tới con cái, không hỏi thăm, quan tâm đến nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Ngày 24/7/2023 chị về Việt Nam nghỉ phép theo quy định của phía công ty tại Đài Loan nhưng chị không về nhà chồng vì mâu thuẫn mà chị đã ở nhà mẹ đẻ tại thôn Kênh Hữu, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm tới nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho

chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 và anh Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016. Ly hôn, chị L đề nghị Toà án giải quyết giao con chung Nguyễn Đức D cho anh D, còn con chung Nguyễn Ngọc A giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn D không có mặt theo giấy triệu tập mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đại diện gia đình và đại diện chính quyền địa phương và lấy lời khai của anh D trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 02 năm 2011. Quá trình chung sống hai vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị L hiện đang làm việc tại Đài Loan còn anh D ở Việt Nam. Khi chị L về Việt Nam thì cũng không ở cùng anh D mà ở nhà mẹ đẻ chị L tại thôn Kênh Hữu, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Nay chị L làm đơn xin ly hôn với anh D thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016. Hiện con chung Nguyễn Đức D đang sống với anh D, con chung Nguyễn Ngọc A ở với mẹ chị L khi chị L đi lao động nước ngoài. Ly hôn, anh D đề nghị Toà án giải quyết giao con chung Nguyễn Đức D cho anh D, còn con chung Nguyễn Ngọc A giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành. Bản thân cháu Duy cũng có nguyện vọng ở với bố. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh D không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của chị Phòng và anh Khoa không thể hòa giải,

mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 cho anh D, còn con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016 giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh D chị L không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn thì chị Phạm Thị Ngọc L hiện sinh sống và làm việc tại Đài Loan còn anh Nguyễn Văn D cư trú tại Thôn Kênh Hữu, xã An Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn và bị đơn có đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn D tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ vào lời khai của chị L, anh D cũng như việc thu thập chứng cứ của Tòa án, HĐXX xác định vợ chồng xảy mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016. Hiện con chung Nguyễn Đức D đang sống với anh D và nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố, con chung Nguyễn Ngọc A ở với bà ngoại (mẹ chị L) khi chị L đi lao động. Anh D và chị L đều thống nhất đề nghị giao con chung Nguyễn Đức D cho anh D,

con chung là Nguyễn Ngọc A cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Đức D cho anh D, con chung Nguyễn Ngọc A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016. Giao con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 25/10/2011 cho anh Nguyễn Văn D, giao con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 19/4/2016 cho chị Phạm Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị Phòng đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000028 ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Phòng;
- UBND xã An Hoà, huyện Thủy Nguyên, HP (GCNKH ngày 21/02/2011);
- Cục THA dân sự TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Bình